

系所簡介

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ KHOA

1. 系所核心能力 **Năng lực nòng cốt của Khoa**

- ✓ 創新能力 **Năng lực sáng tạo**
- ✓ 設計能力 **Năng lực thiết kế**
- ✓ 良好製造性 **Khả năng chế tạo tốt**
- ✓ 實作能力 **Năng lực thực hành**

2. 教育目標 **Mục tiêu giáo dục**

本系以培育兼具創新能力、美學素養與科技知識之產品設計與開發人才為教育目標，並以「創新」、「設計」、「實務」與「技術」為具體教學特色，旨在培養具有「創新能力」、「設計能力」、「製造知識」與「實作能力」的現代產品設計師。

Khoa này lấy trau dồi làm năng lực sáng tạo, mục tiêu giáo dục là tìm kiếm nhân tài và thiết kế sản phẩm với kỹ năng kiến thức và tố chất thẩm mỹ. Dựa trên “sáng tạo”, “thiết kế”, “thực hành” và “kỹ thuật” làm thành đặc sắc giáo dục riêng, nhằm mục đích đào tạo các nhà thiết kế sản phẩm hiện đại với “năng lực sáng tạo”, “năng lực thiết kế”, “kiến thức chế tạo” và “khả năng thực hành”

3. 課程內容 **Nội dung khóa học**

課程是依據教育目標與培育學生核心能力進行規劃，並經由產官學研等專家學者所組成之課程規劃員會完成規劃，主要課程特色包括：

Khóa học căn cứ vào mục tiêu giáo dục và quy hoạch tiến hành bồi dưỡng sinh viên năng lực nòng cốt, việc lập kế hoạch được hoàn thành bởi người lập kế hoạch chương trình giảng dạy do các chuyên gia, học giả trong các ngành công nghiệp, chính phủ, nghiên cứu học thuật, đặc sắc chủ yếu của khóa học bao gồm:

「創新能力」：運用創新策略、專利實務、產品創意設計等課程訓練學生創新思考之能力。

Năng lực sáng tạo: vận dụng các chương trình giảng dạy như chính sách sáng tạo, thực hành sáng chế, thiết kế sáng tạo sản phẩm v.v... để đào tạo khả năng suy nghĩ sáng tạo của sinh viên

「設計能力」：設計能力包含美學素養及工程設計兩個能力指標。

Năng lực thiết kế: năng lực thiết kế bao gồm 2 năng lực tiêu chí là tố chất thẩm mỹ và thiết kế công trình.

美學素養：包含設計素描、色彩學、表現技法等課程，培養學生平面設計及美學素的基礎能力，讓學生設計出「美」的產品。

Тố chất thẩm mỹ: bao gồm các khóa học phác họa thiết kế, sắc màu học, kỹ thuật thực hiện, bồi dưỡng sinh viên thiết kế đồ họa và năng lực cơ bản tính thẩm mỹ, giúp cho sinh viên thiết kế ra những sản phẩm đẹp.

工程設計：課程包含製造程序、設計材料、電腦輔助設計等，使學生熟練業界廣泛應用之軟體的能力。

Thiết kế công trình: bao gồm quá trình chế tạo, vật liệu thiết kế, thiết kế hỗ trợ trên máy tính, giúp cho sinh viên có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong ngành.

「良好製造性」：藉由模型製作、製造程序與實習、塑膠成品設計實務等課程，建立學生實際製造程序之觀念，讓學生設計出「良好製造性」的產品。

Khả năng chế tạo tốt: chương trình học gồm có chế tạo mô hình, quá trình chế tạo và thực tập, thực

hành thiết kế các sản phẩm nhựa, thiết lập cho sinh viên quan niệm về quá trình chế tạo thực tế, giúp cho sinh viên thiết kế nên những sản phẩm có tính chế tạo cao.

「實作能力」：綜合以上課程所學，學生可以藉由產品設計、產品開發、專題設計、作品集設計、展示設計等課程，充實「動手做」的務實能力，以達到業界所需之專業設計能力。

Năng lực thực hành: học tất cả các chương trình khóa học tổng hợp trên, sinh viên có thể thông qua các khóa học thiết kế sản phẩm, phát triển sản phẩm, thiết kế chuyên đề, thiết kế danh mục tác phẩm, thiết kế triển lãm, hoàn thiện khả năng thực hành thực tế, giúp đạt được yêu cầu năng lực thiết kế chuyên nghiệp trong ngành.

招生資訊

THÔNG TIN TUYỂN SINH

東南創意產品設計系到底要學什麼？

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo của trường Đại học Công nghệ Đông Nam rút cuộc học những gì?

設備如何? Thiết bị như thế nào?

師資如何? Đội ngũ giảng viên như thế nào?

未來就業? Nghề nghiệp tương lai

要怎樣才能加入東南產品設計大家庭呢?

Làm thế nào để có thể vào đại gia đình Khoa thiết kế sản phẩm trường Đại học Công nghệ Đông Nam

點我>>新生照過來!! 3 分鐘 PPT 瞭解東南創意產品設計系!!

Nhấn vào>>Sinh viên mới vào đây!! Chỉ cần 3 phút là có thể hiểu rõ ngành thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam.



東南創意產品設計系 - 就業規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam

Quy hoạch nghề nghiệp

1. 產品設計師 32~50K Chuyên viên thiết kế sản phẩm 32-50K

在兼顧生產者與使用者對產品外觀、造形、色彩、結構、功能及安全性 等方面要求條件下，從事大量生產 產品之設計及開發

Trong điều kiện có tính đến các yêu cầu của nhà sản xuất và người dùng về hình thức, hình dạng, màu sắc, cấu trúc, chức năng và an toàn của sản phẩm, bắt tay vào sản xuất hàng loạt từ việc thiết kế và phát triển sản phẩm

- 負責設計前之研究分析，擬定新產品開發策略。

Phụ trách phân tích nghiên cứu trước khi thiết kế, vạch lên sách lược phát triển sản phẩm

- 運用人因工程、市場需求、造型趨向、產品分析等設計技術，建立設計之準則。

Vận dụng kỹ thuật thiết kế có yếu tố con người, nhu cầu thị trường, xu hướng mô hình hóa, phân tích sản phẩm để thiết lập các tiêu chí thiết kế

- 以草圖繪製、精密描寫、色彩計畫、造型研究、模型試作等方式，進行設計展開。

Thực hiện phát triển thiết kế bằng phương pháp phác thảo hình họa, mô tả chính xác, lập kế hoạch màu sắc, nghiên cứu mô hình, sản xuất thử nghiệm mô hình, v.v.

- 提出與產品外觀有關之機構問題的解決方案，並繪製圖畫，製作模型。

Đề xuất giải pháp cho các vấn đề về cơ cấu liên quan đến ngoại hình sản phẩm, phác vẽ hình họa và làm mô hình

- 提供產品包裝及商業設計諮詢

Cung cấp bao bì sản phẩm và tư vấn thiết kế thương mại

2. 文創企劃行銷開發人員 42~50K

Chuyên viên phát triển văn hóa, sáng tạo, lập kế hoạch và tiếp thị 42 ~ 50K

從事產品開發之企劃、行銷、宣傳等工作。

Tham gia vào kế hoạch phát triển sản phẩm, tiếp thị Marketing, tuyên truyền vv

- 進行商品管理、規劃、設計、推廣及開發協調。

Thực hiện quản lý hàng hóa, lập kế hoạch, thiết kế, xúc tiến và phối hợp phát triển

- 制定新產品規格，評估開發的可行性，進行導入並控管時程。

Xây dựng các thông số kỹ thuật sản phẩm mới, đánh giá tính khả thi của việc phát triển sản phẩm, tiến hành thực thi và kiểm soát tiến độ.

- 進行商品市場資料分析與商品定位，發展產品行銷策略，並進行價格策略的制定。

Tiến hành phân tích dữ liệu thị trường hàng hóa và định vị hàng hóa, phát triển các chiến lược tiếp thị sản phẩm và xây dựng chiến lược giá.

- 執行市場與產品趨勢調查，提供研發部門做為新產品開發的參考。

Thực hiện khảo sát xu hướng thị trường và sản phẩm, cung cấp cho bộ phận R & D làm tài liệu tham khảo để phát triển sản phẩm mới

- 進行通路推廣，統籌產品行銷活動、文宣製作與客戶說明會之規劃。

Thực hiện quảng bá kênh, phối hợp lập kế hoạch tổng thể cho các hoạt động tiếp thị sản phẩm, tuyên truyền sản xuất và hội thảo khách hàng

- 整理、分析並建立商品資料檔

Sắp xếp, phân tích và tạo các tệp dữ liệu sản phẩm

東南創意產品設計系 - 就業規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Quy hoạch nghề nghiệp

產品設計師 32~50K

文創企劃行銷開發人員 42~50K

Chuyên viên thiết kế sản phẩm 32-50K

Chuyên viên phát triển kế hoạch tiếp thị văn hóa sáng tạo 42-50K



東南創意產品設計系 - 就業規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Quy hoạch nghề nghiệp

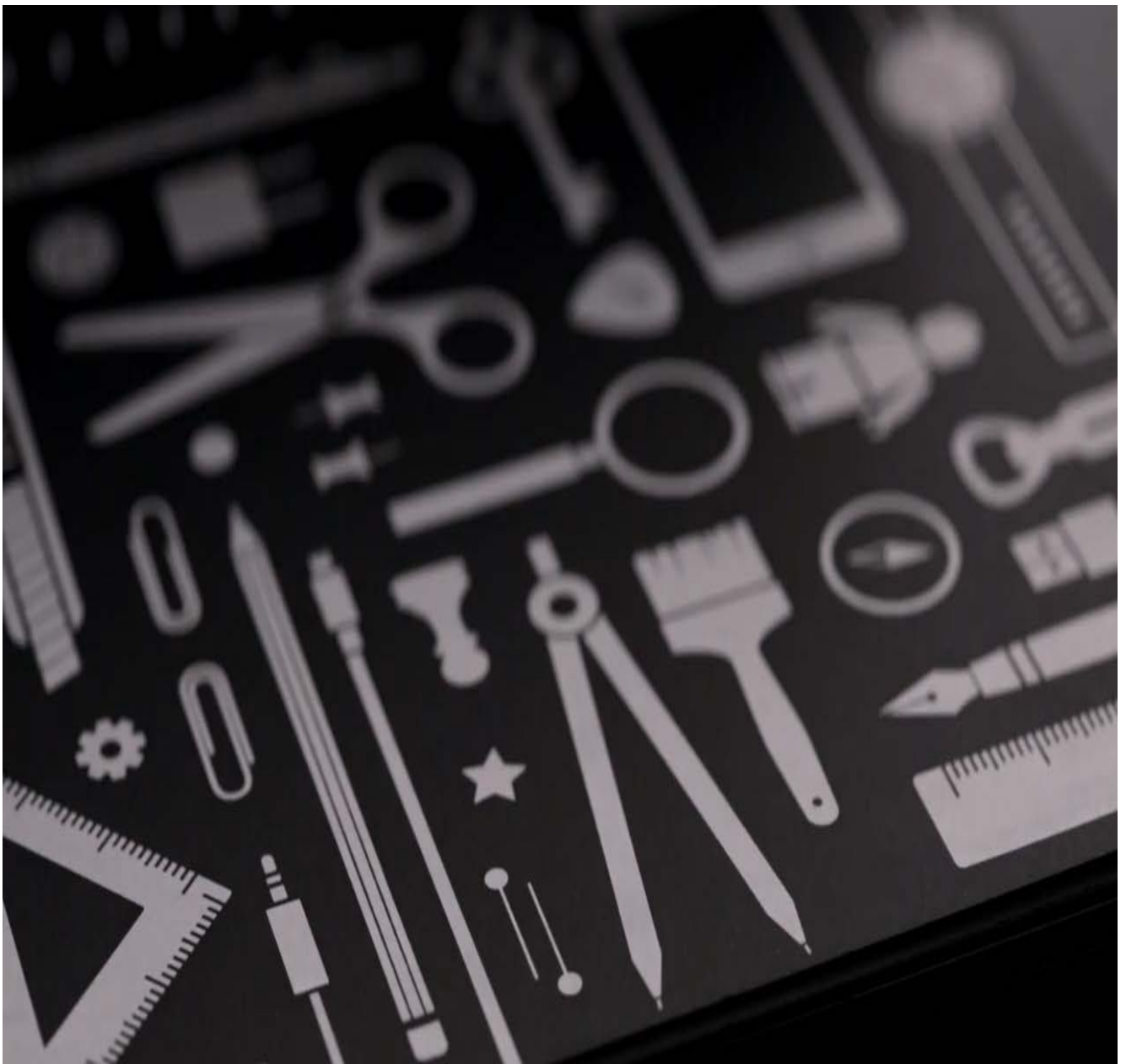
產品設計師 32~50K

文創企劃行銷開發人員 42~50K

Chuyên viên thiết kế sản phẩm 32-50K

Chuyên viên phát triển kế hoạch tiếp thị văn hóa sáng tạo 42-50K

https://www.youtube.com/watch?v=diEyJ4Ql3_I



東南創意產品設計系 - 就業規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Quy hoạch nghề nghiệp

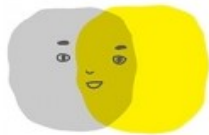
產品設計師 32~50K 文創企劃行銷開發人員 42~50K

Chuyên viên thiết kế sản phẩm 32-50K

Chuyên viên phát triển kế hoạch tiếp thị văn hóa sáng tạo 42-50K



誠品未來書店展
2019-03-04



教育行動宜蘭國際
設計教育
2018-12-02



citytale
2018-09-26



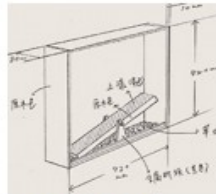
富岡生活富岡燈
2018年7月17日



世界最美的教科書
展從日本看見
2018年6月18日



台北生活景觀改造
計畫
2017年5月13日



小招牌製造所
2016年8月29日



重建台北台北公園
翻轉計畫
2016-03-23



市場小學計畫
2015年10月23日



台北街角遇見設計
2014年9月15日

東南創意產品設計系 - 就業規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Quy hoạch nghề nghiệp

產品設計師 32~50K 文創企劃行銷開發人員 42~50K

Chuyên viên thiết kế sản phẩm 32-50K

Chuyên viên phát triển kế hoạch tiếp thị văn hóa sáng tạo 42-50K

https://www.youtube.com/watch?time_continue=71&v=PUqCfGYsrFw



東南創意產品設計系 - 就業規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo của trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Quy hoạch nghề nghiệp

產品設計師 32~50K

文創企劃行銷開發人員 42~50K

Chuyên viên thiết kế sản phẩm 32-50K

Chuyên viên phát triển kế hoạch tiếp thị văn hóa sáng tạo 42-50K



東南創意產品設計系 - 就業規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Quy hoạch nghề nghiệp

產品設計師 32~50K

文創企劃行銷開發人員 42~50K

Chuyên viên thiết kế sản phẩm 32-50K

Chuyên viên phát triển kế hoạch tiếp thị văn hóa sáng tạo 42-50K



本系如何讓學生畢業接軌文創產品設計的職場呢？

Làm thế nào để Khoa này giúp cho sinh viên tốt nghiệp gặp đúng công
việc thiết kế sản phẩm văn hóa và sáng tạo?

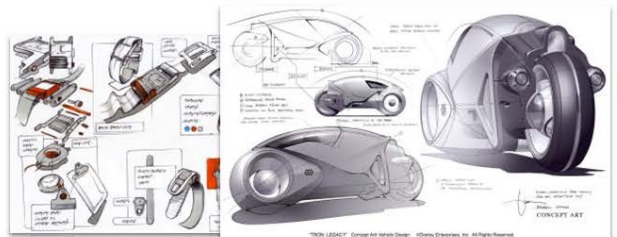
1. 教會你們產品設計該具備的技能

Dạy cho sinh viên đầy đủ những kỹ năng cần có trong thiết kế sản phẩm

3D建模 / 參數

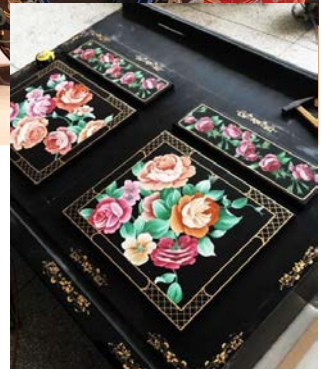


設計草圖



本系如何讓學生畢業接軌文創產品設計的職場呢？

Làm thế nào để Khoa này giúp cho sinh viên tốt nghiệp gặp đúng công
việc thiết kế sản phẩm văn hóa và sáng tạo?



2. 長期住宿與餐食:假日會安排文化旅遊包含>遊瘦西湖/

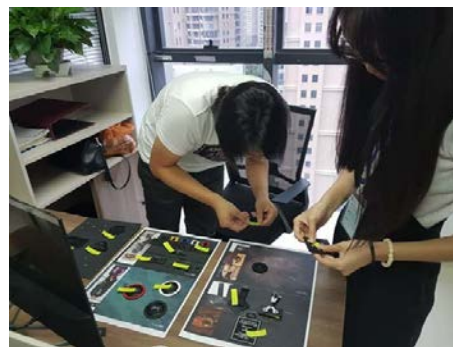
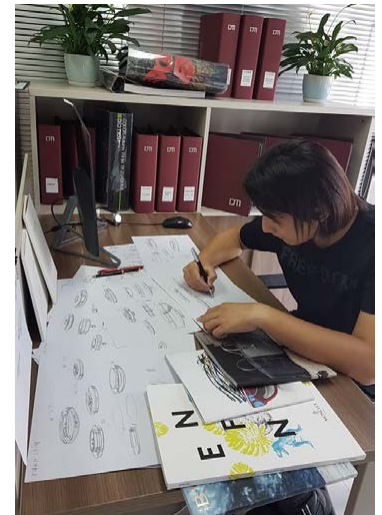
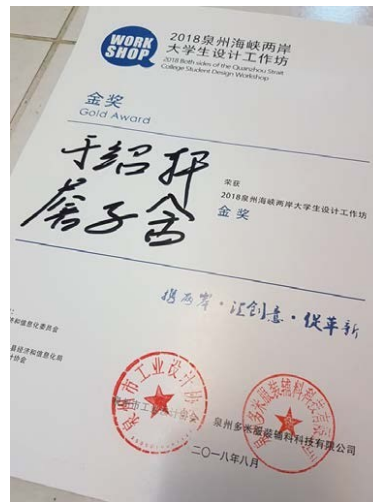
古運河/揚州博物館/揚州企業

Chỗ ăn ở dài hạn: Du lịch văn hóa sẽ được sắp xếp trong kỳ nghỉ bao gồm> Dạo quanh Sáu Tây Hồ / Sông Cổ Vận / Bảo tàng Dương Châu / Doanh nghiệp Dương Châu



3. 暑假提供大學生設計工作坊 進駐企業進行產品設計訓練

Cung cấp phòng thiết kế cho sinh viên đại học trong kỳ nghỉ hè và tiến hành vào các công ty để đào tạo thiết kế sản phẩm



4. 提供雙北市(200家)設計實習媒合

Cung cấp doanh nghiệp thực tập thiết kế (200 doanh nghiệp) ở thành phố Đài Bắc và Tân Bắc



本系與台灣網商協會合作

每年提供台北市與新北市200家設計實習缺

Khoa này hợp tác với Hiệp hội thương nghiệp Internet Đài Loan

Mỗi năm cung cấp 200 thực tập thiết kế viên mới tại Tân Bắc và thành phố Đài Bắc.

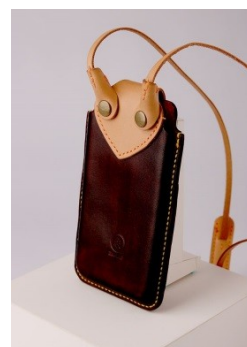
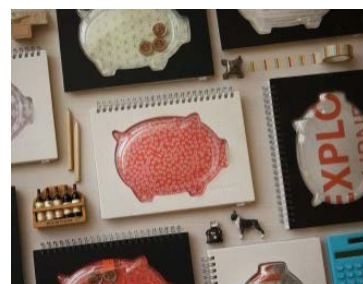
本系如何讓學生畢業接軌文創產品設計的職場呢？

Làm thế nào để Khoa này giúp cho sinh viên tốt nghiệp gặp đúng công việc thiết kế sản phẩm văn hóa và sáng tạo?



5. 金工/漆器/皮革/水泥...精進班

Lớp nâng cao Gia công kim loại / sơn mài / thuộc da / xi măng...



Bảng thống kê giải thưởng sinh viên mới ưu tú Golden Pin tại Triển lãm thiết kế thể hệ mới 2018

學校名稱 Tên trường học	產品設計、工藝設計類 入圍件數 Thiết kế sản phẩm, Loại thiết kế công nghệ Số người vào vòng trong	排名 Xếp loại
東南科技大學 創意產品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam	30 (1/2 以上同學獲得金點新 秀獎畢業) 30 (Trên 1/2 sinh viên đã giành giải thưởng Golden Pin khi tốt nghiệp)	1
台南應用科技大學 商品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm trường Đại học ứng dụng KHKT Đài Nam	28	2
國立臺北科技大學 工業設計系 Khoa thiết kế công nghiệp trường Đại học quốc lập KHKT Đài Bắc	25	3
大同大學 工業設計系 Khoa thiết kế công nghệ trường Đại học Đại Đồng	23	4
國立高雄科技大學 創新設計工程系 Khoa công trình thiết kế cải tiến trường Đại học quốc lập KHKT Cao Hùng	23	4
明志科技大學 工業設計系 Khoa thiết kế công nghiệp trường Đại học KHKT Minh Trí	18	5
銘傳大學 商品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm trường Đại học Minh Truyền	16	6
實踐大學 工業產品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm công nghiệp trường Đại học Thực Tiễn	14	7
國立雲林科技大學 工業設計系 Khoa thiết kế công nghiệp trường Đại	13	8

học quốc lập KHKT Vân Lâm		
國立清華大學 藝術與設計學系 Khoa thiết kế học và nghệ thuật trường Đại học quốc lập Thanh Hoa.	13	9
樹德科技大學 生活產品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm đời sống trường Đại học KHKT Thụ Đức	10	10
亞東技術學院 工商業設計系 Khoa thiết kế công thương nghiệp trường Đại học KHKT Á Đông	7	
朝陽科技大學 工業設計系 Khoa thiết kế Công nghiệp trường Đại học KHKT Triều Dương	7	
大葉大學 工業設計系 Khoa thiết kế công nghiệp trường Đại học Đại Diệp	6	
華梵大學 工業設計系 Khoa thiết kế công nghiệp trường Đại học Hoa Phạn	4	
亞洲大學 創意商品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Á Châu	4	
聖約翰科技大學 創意產品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học KHKT St. John's	2	
崇右影藝科技大學 創意產品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học KHKT Điện ảnh và Nghệ thuật Sùng Hữu	1	
黎明技術學院 創意產品設計系 Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo Học viện kỹ thuật Lê Minh	0	

中華智能家電設計 獨樂樂·眾樂樂 榮獲學生組第一名

Giải nhất nhóm sinh viên đạt giải vinh dự sản phẩm Dulele · Zhonglele Thiết kế điện gia dụng thông minh Trung Hoa

作品受邀國際家電展覽進行展示：

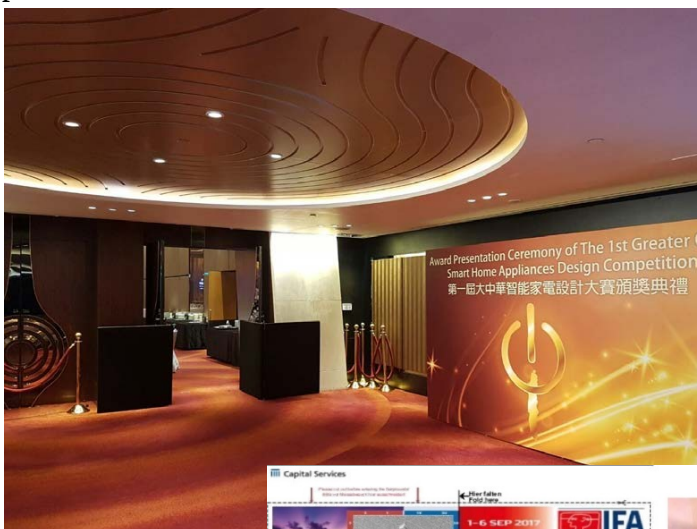
Các tác phẩm sẽ được trưng bày tại Triển lãm Thiết bị điện gia dụng quốc tế:

Appliance & electronics World Expo (Shanghai)
2017/IFA Berlin 2017, TAITRONICS 2017/Hong Kong
Electronics Fair 2017

IFA, 本系于同學至柏林會場進行解說(機票住宿全免)
此產品因得獎有公司認購生產 並進行子品牌的設計
與行銷

Khoa đã đưa sinh viên đến địa điểm họp ở Berlin để
thuyết trình (vé máy bay và chỗ ở miễn phí)

Sản phẩm này đã đạt giải thưởng được công ty đăng ký
sản xuất, tiến hành thiết kế thương hiệu và tiếp thị sản
phẩm



設計特點

獨樂樂·眾樂樂 二合一自動轉向智慧揚聲系統
創造了一個全新的音響概念，希望能提供不同情境中對聲音的需求，她能一分為二，從隨意擺放的大範圍聲音的藍芽音響，分離成為個人的雙聲道系統，為了呈現完美的聲音導向，我們思考著音響要能自己判斷聲音在空間內的狀況後調整自己的位置。由於外型對於聲音也極為重要，所有的曲面與邊緣皆為了聲音成形在單體對聲的情況下我們藉由側邊隔板的曲面將高音往前傳出，讓全音域單體以特殊角度對聲產生強勁的低音，並利用外斜的音響曲面順暢的從前端將聲音傳出。在分離的情況下，雙聲道音響會各自獨立呈現出優美的側面，並搭配360度全向的磁力驅動滾珠，讓這智能家電的新體驗。



The 16th 2017 INTERNATIONAL JEWELRY DESIGN CONTEST (Jewelry Together)

金鳥與銀鳥 獲得우수디자인어優秀設計師獎

Golden bird and silver bird

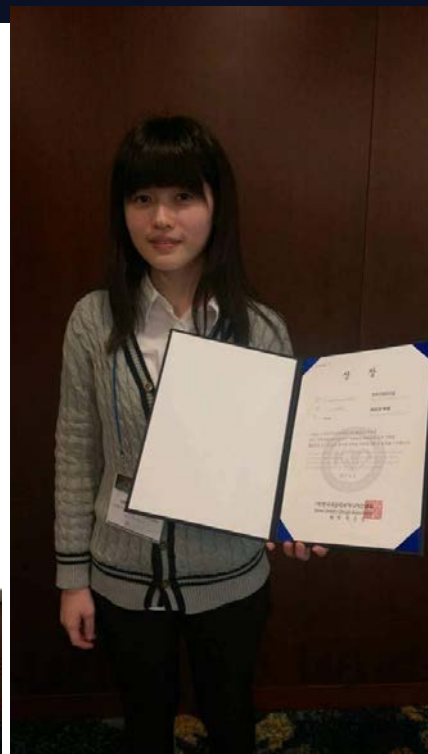
設計理念: Ý tưởng thiết kế

樵夫不懂得珍惜陪伴在他身邊的銀鳥，只想找尋比銀鳥更好的金鳥，最後銀鳥飛走在夕陽照射下才發現其實金鳥一直都在他身邊。透過這個故事設計出象徵性的墜飾，來提醒自己要珍惜身邊所有，不要無意間成為了故事中的樵夫。

Người tiều phu không biết cách quý trọng con chim bạc bên mình. Anh ta chỉ muốn tìm một con chim vàng tốt hơn con chim bạc. Cuối cùng, con chim bạc bay đi trong hoàng hôn chiếu rọi và thấy rằng con chim vàng luôn ở bên cạnh anh ta. Thông qua câu chuyện này, tôi đã thiết kế một mặt dây chuyền mang tính biểu tượng để nhắc nhở bản thân phải trân trọng mọi thứ xung quanh và không vô tình trở thành người tiều phu trong câu chuyện.

本系許同學3月將至首爾領獎(機票住宿全免)

Khoa này sẽ cử sinh viên đi nhận được giải thưởng tại Seoul vào tháng 3 (vé máy bay và chỗ ở miễn phí)



東南創意產品設計系 升學規劃

Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam Quy hoạch khai giảng

The News Lens 關鍵評論

Q

現在做的每一件事，都影響未來

例如就讀東南科技大學創意產品設計系的于紹軒，從國中開始，就知道自己想從事工業設計師的工作。為了替未來確認方向，他甚至先去高職念了機械科，瞭解機械原理之後，才走向工業設計的路。



國立臺北科技大學工業設計

東南科技大學創意產品設計系李佳璇（左）、于紹軒（右）

系創新碩士班

同樣就讀創設系的李佳璇也分享，她原先是唸藝術相關科系，進來剛開始蠻辛苦的，因為她以前比較少接觸工業產品設計的部份，但在紮實的課程，以及老師的輔導下，最後做出很豐碩的成果，也磨練出更高的抗壓性。例如她以菜市場茄苳的傳統元素做發想，設計了一款輕量、方便攜帶的折疊椅。紹軒則是選讀科大學習如何妥善「時間管理」，他大四的畢業作品《珍奶，茶

新一代得獎作品

申請經濟部50~200萬量產計畫

(本系已通過 10 幾件 陸續量產 ing)

Tác phẩm đạt giải thể hệ mới lập kế hoạch xin Bộ kinh tế sản xuất sản lượng 50-200 vạn (Khoa đã thông qua hơn 10 cái và vẫn đang được tiếp tục sản xuất)



許多優秀學長姐繼續進修!! Có rất nhiều bậc tiền bối ưu tú vẫn đang tiếp tục học nâng cao

劉禹彤 國立臺灣藝術大學 工藝設計碩士

Lưu Vũ Đồng Thạc sỹ thiết kế công nghệ mỹ thuật trường Đại học quốc lập Nghệ thuật Đài Loan

于紹軒 國立臺北科技大學 工業設計碩士

Vu Thiệu Hiên Thạc sỹ thiết kế công nghiệp trường Đại học quốc lập KHKT Đài Bắc

李思翰 國立雲林科技大學 工業設計碩士

Lý Tư Hàn Thạc sỹ thiết kế công nghiệp trường Đại học quốc lập KHKT Vân Lâm

李佳璇 國立臺教育大學 藝術與造型碩士

Lý Giai Toàn Thạc sỹ tạo hình nghệ thuật trường Đại học quốc lập Giáo dục Đài Loan

楊婷瑜 國立臺教育大學 藝術與造型碩士

Dương Đình Du Thạc sỹ tạo hình nghệ thuật trường Đại học quốc lập Giáo dục Đài Loan

陳詩茵 國立臺教育大學 藝術與造型碩士

Trần Thi Nhân Thạc sỹ tạo hình nghệ thuật trường Đại học quốc lập Giáo dục Đài Loan

劉耕銘 國立臺教育大學 藝術與造型碩士

Lưu Canh Minh Thạc sỹ tạo hình nghệ thuật trường Đại học quốc lập Giáo dục Đài Loan

東南科技大學創意產品設計系
Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam

109 學年入學管道

CÁCH THỨC NHẬP HỌC NIÊN HỌC 109

招生 1 班 55 人(外加技優甄選 機械 2 人

工設 4 商設 4 與高中申請入學 10 人)

繁星(3) 獨招(7)

Chiêu sinh 1 lớp 55 người

(Cộng thêm lựa chọn người có kỹ thuật ưu tú Cơ khí 2 người,

Thiết kế công nghiệp 4 người, Thiết kế sản phẩm 4 người và

Trung học phổ thông nộp đơn nhập học 10 người)

Tuyển sinh chung (3) Tuyển sinh riêng (7)

高職及綜合高中職業科

Trung cấp và trung học nghề tổng hợp

機械群(甄選 2、分發 1) 製圖科 機械科 鑄造科 模具科

Nhóm cơ khí (Chọn 2, phân phối 1) - Khoa chế tác đồ họa – Khoa cơ khí – Khoa công nghệ đúc – Khoa khuôn mẫu

設計群(甄選 29、分發 10) 美工科 廣告設計科 室內設計科 圖文傳播科

Nhóm thiết kế (Chọn 2, phân phối 1) – Khoa công nghệ mỹ thuật – Khoa thiết kế quảng cáo – Khoa thiết kế nội thất – Khoa đồ họa truyền thông.

家政群(2) Nhóm nữ công gia chánh

藝術群(1) 時模科 時尚造型科 幼保科 美容科 觀光科 餐飲科

Nhóm nghệ thuật (1) Khoa người mẫu thời trang – Khoa tạo hình thời trang – Khoa bảo mẫu – Khoa thẩm mỹ - Khoa du lịch – Khoa ẩm thực

推甄成績分配

統測成績佔20%，書面審查80%，

Phân chia thành tích đề xuất

Thành tích kiểm tra thống kê 20%, Kiểm duyệt văn bản 80%

東南科技大學創意產品設計系
Khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo trường Đại học Công nghệ Đông Nam

109 學年入學獎金
HỌC BỔNG NHẬP HỌC NIÊN HỌC 109

入學獎學金

HỌC BỔNG NHẬP HỌC

繁星(第 1 志願)： 四年學雜費比照國立大學收費

Tuyển sinh chung: học phí + phí khác của 4 năm chỉ thu tương đương với các trường Đại học quốc lập

技優甄選(第 1 志願)： 3~4 萬元

Tuyển chọn theo kỹ năng ưu tú (lựa chọn đầu tiên):

3-4 vạn Đài tệ

甄選入學(第 1 志願)： 2~3 萬元

Tuyển chọn nhập học (lựa chọn đầu tiên): 2-3 vạn Đài tệ

登記分發(第 1 志願)： 1~2 萬元

Đăng ký phân phối (lựa chọn đầu tiên): 1-2 vạn Đài tệ

獨立招生(第 1 志願)： 1~2 萬元

Tuyển sinh riêng (người đầu tiên): 1-2 vạn Đài tệ

技優甄選 10 人 Tuyển chọn kỹ năng ưu tiên 10 người

工設類 4 人 Loại thiết kế công nghiệp

商設類 4 人 Loại thiết kế sản phẩm

東南科大
創意產品設計系
Khoa thiết kế sản phẩm
sáng tạo trường Đại học
Công nghệ Đông Nam

更多更新資訊在系粉頁 歡迎按讚加入
Cập nhật thông tin nhiều hơn tại trang web của Khoa
Hoan nghênh nhấn like kết bạn

系粉絲頁

國內外競賽、實習機會、工作機會、兩岸與國際
工作坊資訊、設計展覽與系上發展最新現況



Trang web của Khoa

Các cuộc thi trong nước và quốc tế, cơ hội thực tập, cơ hội việc làm, thông tin hội thảo xuyên quốc gia và hội thảo quốc tế, triển lãm thiết kế và tình hình mới nhất của sự phát triển Khoa

系學會社團

系內所有大小活動都會在上面公布



Kênh xã đoàn của Khoa

Tất cả các sự kiện lớn nhỏ trong Khoa sẽ được công bố ở trên

師資陳容 – Thông tin giảng viên

職稱 Chức vụ	副教授 Phó giáo sư
姓名 Họ tên	王亞平 Vương Á Bình
聯絡電話 Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 轉 286 (02) 8662-5927 máy nhánh 286
電子郵件 Email	ypwang@mail.tnu.edu.tw
研究專長 Nghiên cứu chuyên môn	1. 電腦輔助設計 Thiết kế hỗ trợ trên máy tính 2. 電腦繪圖 Đồ họa máy tính 3. 通用設計 Thiết kế thông dụng 4. 人因工程 Công trình nhân tố con người
授課領域 Lĩnh vực giảng dạy	電腦輔助設計(2) Thiết kế hỗ trợ trên máy tính (2) 電腦輔助產品分析 Phân tích sản phẩm hỗ trợ trên máy tính 參數實體設計 Thiết kế thực thể tham số 曲面設計 Thiết kế bề mặt cong
最高學歷 Trình độ cao nhất	中原大學機械研究所博士 Tiến sĩ viện nghiên cứu cơ khí Đại học Trung Nguyên



職稱 Chức vụ	講師 Giảng viên	
姓名 Họ tên	池德明 Trì Đức Minh	
聯絡電話	(02) 8662-5927 轉 284	
Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 nhánh 284	
電子郵件 Email	cdm@mail.tnu.edu.tw	
研究專長 Nghiên cứu chuyên môn	模型製作、網頁設計、感測與控制、微電腦控制、機電整合與控制、數位邏輯設計、程式設計、資料庫 Chế tạo mô hình, Thiết kế website, Điều khiển và Cảm biến, Điều khiển vi máy tính, Tích hợp và điều khiển điện cơ, Thiết kế logic kỹ thuật số, lập trình, cơ sở dữ liệu	
授課領域 Lĩnh vực giảng dạy	計算機概論 Khái luận về máy tính 模型製作 Chế tác mô hình 網頁設計 Thiết kế website 感測與控制實習 Thực tập điều khiển và cảm biến 微電腦控制與實習 Thực tập và điều khiển vi máy tính 程式設計 Lập trình 圖控程式設計 Lập trình điều khiển đồ họa 數位邏輯與設計 Thiết kế và Logic kỹ thuật số 實務專題 Chuyên đề thực hành 專題討論 Thảo luận chuyên đề 電路學與實習 Mạch điện học và thực hành 電機學與實習 Điện cơ học và thực hành 電子學及實習 Điện tử học và thực hành	
最高學歷	淡江大學資訊工程研究所	
Trình độ cao nhất	Viện nghiên cứu công nghệ thông tin Đại học Đạm Giang	

職稱 Chức vụ	助理教授 Trợ lý giáo sư	
姓名 Họ tên	吳湘苹 Ngô Tương Bình	
聯絡電話	(02) 8662-5927 轉 280	
Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 nhánh 280	
電子郵件 Email	lilikwu@mail.tnu.edu.tw	
研究專長 Nghien cứu chuyên môn	產品設計 Thiết kế sản phẩm 產品開發 Phát triển sản phẩm 網頁設計 Thiết kế website 多媒體設計 Thiết kế đa phương tiện	
授課領域 Lĩnh vực giảng dạy	心理學 Tâm lý học 設計概論 Khái niệm về thiết kế 產品開發 Phát triển sản phẩm 創意設計 Thiết kế sáng tạo 設計材料 Vật liệu thiết kế 設計素描 Phác họa thiết kế 基本設計 Thiết kế cơ bản 平面設計 Thiết kế đồ họa 空間設計 Thiết kế không gian	
最高學歷	國立臺灣師範大學設計研究所產品設計組	
Trình độ cao nhất	Tổ thiết kế sản phẩm viện nghiên cứu thiết kế trường Đại học quốc lập Sư phạm Đài Loan	

職稱 Chức vụ	講師 Giảng viên	
姓名 Họ tên	林永建 Lâm Vĩnh Kiến	
聯絡電話 Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 轉 287職務代理人：池德明老師 (02) 8662-5927 nhánh 287... Người đại diện chức vụ: Tri Đức Minh	
電子郵件 Email	yjlin@mail.tnu.edu.tw	
研究專長 Nghiên cứu chuyên môn	產品設計與開發 Phát triển và thiết kế sản phẩm 產品模型製作 Chế tác mô hình sản phẩm 產品製造程序 Quá trình chế tạo sản phẩm 產品組裝製程分析 Phân tích quá trình chế tạo đóng gói tổ sản phẩm 自動化機械設計 Thiết kế cơ khí tự động hóa	
授課領域 Lĩnh vực giảng dạy	模型製作 Chế tác mô hình 產品設計 Thiết kế sản phẩm 產品開發 Phát triển sản phẩm 機械製圖 Bản vẽ cơ khí 電腦輔助繪圖 Đồ họa hỗ trợ trên máy tính 機構與夾治具 Dụng cụ gia công và cơ cấu 機械傳動元件應用 Ứng dụng linh kiện truyền động cơ khí 產業機械設計 Thiết kế cơ khí công nghiệp 品質管理 Quản lý chất lượng	
最高學歷	美國西南路易斯安納大學機械工程研究所	
Trình độ cao nhất	Viện nghiên cứu công trình cơ khí trường University of Southwestern Louisiana	

職稱 Chức vụ	副教授 Phó giáo sư	
姓名 Họ tên	張振添 Trương Chấn Thiêm	
聯絡電話	(02) 8662-5927 轉 285	
Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 nhánh 285	
電子郵件 Email	ctchang@mail.tnu.edu.tw	
研究專長 Nghien cứu chuyên môn	電腦輔助工業設計 Thiết kế công nghiệp hỗ trợ trên máy tính 機器人設計與應用 Ứng dụng và thiết kế người máy	
授課領域 Lĩnh vực giảng dạy	數位造型設計 Thiết kế tạo hình kỹ thuật số 電腦輔助設計 Thiết kế hỗ trợ trên máy tính 機器人設計 Thiết kế người máy 自動控制 Điều khiển tự động	
最高學歷 Trình độ cao nhất	國立台灣大學機械工程研究所博士 Tiến sỹ viện nghiên cứu công trình cơ khí trường Đại học quốc lập Đài Loan.	

職稱 Chức vụ	助理教授 Trợ lý giáo sư	
姓名 Họ tên	郭家瑋 Quách Gia Vỹ	
聯絡電話 Điện thoại liên lạc	(02)8662-5928 #283	
電子郵件 Email	wnkuo@hotmail.com	
研究專長 Nghien cứu chuyên môn	文創產品設計 Thiết kế sản phẩm sáng tạo 工業產品設計 Thiết kế sản phẩm công nghiệp 文創設計方法 Phương pháp thiết kế sáng tạo 品牌規劃 Quy hoạch thương hiệu 模型製作 Chế tác mô hình 製造程序 Quá trình chế tạo 平面設計 Thiết kế đồ họa	
授課領域 Lĩnh vực giảng dạy	模型製作 Chế tác mô hình 製造程序 Quá trình chế tạo 文創設計 Thiết kế sáng tạo 產品設計 Thiết kế sản phẩm 專題設計 Thiết kế chuyên đề	
最高學歷 Trình độ cao nhất	大同大學設計科學研究所博士 Tiến sỹ viện nghiên cứu khoa học thiết kế trường Đại học Đại Đồng	

職稱 Chức vụ	助理教授 Trợ lý giáo sư	
姓名 Họ tên	陳俊豪 Trần Tuấn Hào	
聯絡電話	(02) 8662-5927 轉 288	
Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 nhánh 288	
電子郵件 Email	hao.chen@mail.tnu.edu.tw	
研究專長 Nghiên cứu chuyên môn	視覺傳達設計 Thiết kế truyền đạt thị giác 科技產品設計 Thiết kế sản phẩm công nghệ 文創產品設計 Thiết kế sản phẩm sáng tạo 品牌策略規劃 Quy hoạch sách lược thương hiệu 空間規劃設計 Thiết kế quy hoạch không gian	
授課領域 Lĩnh vực giảng dạy	產品設計 Thiết kế sản phẩm 產品開發 Phát triển sản phẩm 基本設計 Thiết kế cơ bản 設計基礎 Cơ sở nền tảng của thiết kế 設計素描 Phác họa thiết kế 作品集 Sưu tập tác phẩm	
最高學歷 Trình độ cao nhất	荷蘭恩霍芬設計學院 Học viện thiết kế Design Academy Eindhoven	

職稱 Chức vụ	助理教授 Trợ lý giáo sư	
姓名 Họ tên	陳柏全 Trần Bá Toàn	
聯絡電話	(02) 8662-5927 轉 281	
Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 nhánh 281	
最高學歷	大同大學設計博士	
Trình độ cao nhất	Tiến sỹ thiết kế trường Đại học Đại Đồng	

職稱 Chức vụ	助理教授 Trợ lý giáo sư	
姓名 Họ tên	劉崇智 Lưu Sùng Trí	
聯絡電話	(02) 8662-5927 轉 280	
Điện thoại liên lạc	(02) 8662-5927 nhánh 280	
電子郵件 Email	williamliu@mail.tnu.edu.tw	
研究專長 Nghiên cứu chuyên môn	工業設計 Thiết kế công nghiệp 文創策展 Giám tuyển sáng tạo 產品開發 Phát triển sản phẩm 品牌策略 Chiến lược thương hiệu	
授課領域	基本設計 Thiết kế cơ bản	
Lĩnh vực giảng dạy	產品開發 Phát triển sản phẩm 專題設計 Thiết kế chuyên đề	
最高學歷	國立台灣科技大學碩士	
Trình độ cao nhất	Thạc sỹ trường Đại học quốc lập khoa học kỹ thuật Đài Loan	

專業證照 – Chứng chỉ chuyên nghiệp



1. 工程圖學與機械製圖
PEG學科 40分鐘 測驗題共50題
2. 基礎零件設計
100分鐘 操作題共5題
PPB Pro/ENGINEER Wildfire 5
PSB SolidWorks 2010
3. 實體設計
100分鐘 操作題共5題
PPM Pro/ENGINEER Wildfire 5
PSM SolidWorks 2010
4. 進階零件及曲面設計
100分鐘 操作題共5題
PPA Pro/ENGINEER Wildfire 5
PSA SolidWorks 2010

工作職務

1. 工程計算與驗證
2. 產品外型設計
3. 繪製零件圖面
4. 繪製零件圖、組立圖、工程圖
5. 設計數學運算程式
6. 裝備設計與組立
7. 繪製設計圖面
8. 材料測試與選用

專業職能

1. 基礎零件設計能力
2. 實體設計能力
3. 進階零件及曲面設計能力

資料來源：
TQC+考生服務網



1. 電腦繪圖概論與數位色彩配色
PDC學科 40分鐘 測驗題共50題
2. 電腦繪圖設計
100分鐘 操作題共5題
PIL
Illustrator CS4
Illustrator CS5
3. 影像處理
PPC
Illustrator CS4
Illustrator CS5

工作職務

1. 電腦繪圖能力
2. 色彩運用能力
3. 圖形繪製與設計能力
4. 印刷完稿能力
5. 影像編輯調整能力
6. 影像合成能力
7. 影像設計能力
8. 商業設計能力

專業職能

1. 電腦繪圖設計能力
2. 影像處理能力

TQC-產品設計專業人員認證 – Chứng nhận chuyên viên thiết kế sản phẩm TQC

1. 工程圖學與機械製圖 Bản vẽ cơ khí và đồ họa kỹ thuật
PEG 學科 40 分鐘 測驗題共 50 題 Lý thuyết PEG 40 phút, Tổng 50 câu kiểm tra
2. 基礎零件設計 Thiết kế linh kiện nền tảng
100 分鐘 操作題共 5 題 Thi 100 phút, thực hành thao tác tổng 5 câu
PPB Pro/ENGINEER Wildfire 5
PSB SolidWords 2010
3. 實體設計 Thiết kế thực thể
100 分鐘 操作題共 5 題 Thi 100 phút, thực hành thao tác tổng 5 câu
PPB Pro/ENGINEER Wildfire 5
PSB SolidWords 2010
4. 進階零件及曲面設計 Thiết kế bề mặt cong và linh kiện nâng cao
100 分鐘 操作題共 5 題 Thi 100 phút, thực hành thao tác tổng 5 câu
PPB Pro/ENGINEER Wildfire 5
PSB SolidWords 2010

工作職務 Nhiệm vụ công việc

1. 工程計算與驗證 Kiểm nghiệm và tính toán kỹ thuật
2. 產品外形設計 Thiết kế hình dáng sản phẩm
3. 繪製零件圖面 Bản vẽ linh kiện đồ họa

4. 繪製零件圖、組立圖、工程圖 Bản vẽ linh kiện đồ họa, Bản vẽ lắp ráp, Bản vẽ kỹ thuật
5. 設計教學運算程式 Thiết kế chương trình tính toán giảng dạy
6. 裝備設計圖面 Bản vẽ thiết kế trang thiết bị
7. 材料測試與選用 Lựa chọn và kiểm tra vật liệu

專業職能 Năng lực chuyên nghiệp

1. 基礎零件設計能力 Năng lực thiết kế linh kiện cơ sở.
2. 實體設計能力 Năng lực thiết kế thực thể.
3. 進階零件及曲面設計能力 Năng lực thiết kế bề mặt cong và linh kiện nâng cao.

TQC-平面設計專業人員認證 – Chứng nhận chuyên viên thiết kế đồ họa

1. 電腦繪圖概論與數位色彩配色 Phối màu kỹ thuật số và khái niệm về đồ họa máy tính
PDC 學科 40 分鐘 測驗題共 50 題 Lý thuyết PDC 40 phút, đề kiểm tra tổng 50 câu
2. 電腦繪圖設計 Thiết kế đồ họa máy tính
100 分鐘 操作題共 5 題 Thi 100 phút, đề thực hành tổng 5 câu
PIL
Illustrator CS4
Illustrator CS5
3. 影像處理 Xử lý hình ảnh
PPC
Illustrator CS4
Illustrator CS5

工作職務 Nhiệm vụ công việc

1. 電腦繪圖能力 Khả năng đồ họa máy tính
2. 彩色運用能力 Khả năng vận dụng sắc màu
3. 圖形繪製與設計能力 Khả năng thiết kế và vẽ hình đồ họa
4. 印刷完稿能力 Khả năng hoàn thiện in ấn
5. 影像編輯調整能力 Khả năng điều chỉnh biên tập hình ảnh
6. 影像合成能力 Khả năng tổng hợp hình ảnh
7. 影像設計能力 Khả năng thiết kế ảnh
8. 商業設計能力 Khả năng thiết kế thương mại

專業職能 Năng lực chuyên nghiệp

1. 電腦繪圖設計能力 Năng lực thiết kế đồ họa máy tính
2. 影像處理能力 Năng lực xử lý hình ảnh

教學環境 – Môi trường giảng dạy

電腦輔助設計實習室



設備:

個人電腦	網路集線器
筆記型電腦	穩壓器
教學廣播系統	個人電腦主機
數位繪圖板	螢幕
噴墨印表機	電腦繪圖軟體
掃描器	-Autodesk
軟體V-Ray	Keyshot軟體
軟體Rhino 5.0	Camtasia軟體
軟體	擴音機組
軟體-CorelDraw	電動投影幕
軟體-繪圖	窗簾
電腦桌	白板
玻璃展示櫃	電腦桌椅
節能風扇	顯示卡
電腦防寫卡	液晶顯示器
防潮箱	無線麥克風主機
	公文櫃
	機櫃

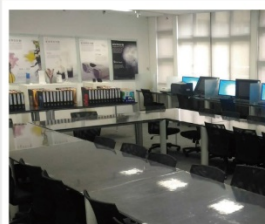
文創產品設計工作室



設備:

電動銀幕	桌子
單槍投影機	椅子
E化多功能講桌	攝影機
窗簾	無線喊話器
公文櫃	節能風扇
色票	筆記型電腦
磁性玻璃白板	無線擴音機
鋁框白板	

科技產品設計工作室



設備:

公文櫃	數位化講桌
磁性玻璃白板	會議桌
個人電腦	工作桌
掃描器	節能風扇
手寫螢幕	會議椅
電腦顯示幕	
觸控螢幕	
無線擴音機	
電動銀幕	
單槍投影機	

模型製作教室



設備:

活動式集塵機	活動式集塵機
可程式訓練器訓練箱	帶鋸機
圓盤鋸機	桌上型精密車床
桌上型小型帶鋸機	車床
木工車床	小型立銑床
桌上型刨木機	銑床
位移感測器	圓鋸機
集線器	木工角槽機
工作桌	電焊機
切斷機	焊切機
帶鋸機	桌上型刨木機
帆布帶式砂光機	直立圓筒砂磨機
砂布帶機	手磨台
集塵工作台	圓鋸機
鑽床	砂輪機
圓鋸機	切斷機
絲鋸機	乾濕吸塵器
手提線鋸機	活動式集塵機
空壓機	公文櫃
切斷機	
研磨機	
真空幫浦	
乾溼吸塵器	

產品設計教室(一)(二)



設備:

個單槍投影機	個人電腦
窗簾	無線擴音機
白板	擴大機
工作桌	電動銀幕
電腦主機	投影機
手寫螢幕	磁性白板
無線擴音機	喊話器
電動銀幕	
辦公桌	
OA-120平桌	
SRT會議桌	
桌子	

專題製作教室



設備:

個人電腦	投影機
手寫螢幕	數位化講桌
電動銀幕	會議桌
單槍投影機	攝影棚組
投影機	會議椅
數位化講桌	
會議桌	
攝影棚組	
會議椅	

產品原型製作室



設備:

溫/濕度監測記錄器	冷水機	
指針式硬度計	除濕機	
照度計	高鋼度抗撓實驗台	
噪音計	指針式推拉力計	
物色分析儀	錄音筆	
噴墨印表機	安全外罩	
防潮箱	雷射雕刻機	
快速成型機	速度計	
3D 雕刻機	加速規	
火絨拋光機	高壓產生器	
標壓器	電源供應器	
機器人教學擴充元件組	阻抗計	顯示器
個人電腦	高斯計	資料擷取系統
筆記型電腦	放大器	磁路分析軟體
機器人教學模組	電工儀表組	軟體
機器人教學進階模組	荷重計	訊號分配放大器
雷射印表機	扭力計及放大器	簡報式數位攝影機
3D 印表機	3D掃描器	冷氣機
手寫繪圖螢幕	位移計	窗簾
數位相機	電腦	電腦桌椅
數位攝影機	個人電腦主機	公佈欄
軟體	外接式硬碟	電子秤
珠光螢幕	印表機	電腦桌椅
單槍投影機	彩印噴割印表機	乾濕吸塵器
水晶立體系招牌		
磁性玻璃白板		

模型噴漆室



設備:

迷你車床
迷你車床
立鑽銑機
精密立鑽銑床
迷你立鑽銑機
靜音式空壓機
噴砂機
冷凍乾燥機
複合式切斷機

1. 電腦輔助設計實習室 Phòng thực hành thiết kế hỗ trợ trên máy tính

設備 Thiết bị

個人電腦 Máy tính cá nhân
筆記型電腦 Máy tính xách tay
教學廣播系統 Hệ thống giảng dạy phát trực tiếp
數位繪圖板 Bảng vẽ kỹ thuật số
噴霧印表機 Máy in phun
掃描器 Máy Scan
軟體 V-ray Phần mềm V-ray
軟體 Rhino 5.0 Phần mềm Rhino 5.0
軟體 Correl draw Phần mềm Correl draw
軟體-繪圖 Phần mềm- Đồ họa
電腦桌 Bàn máy tính
玻璃展示欄 Bảng hiển thị thủy tinh
節能風扇 Quạt gió tiết kiệm điện năng
電腦防寫卡 Thẻ chống ghi máy tính
防潮箱 Hộp chống ẩm
網路集線器 Thiết bị mạng trung tâm
穩壓器 Máy ổn áp
個人電腦主機 Máy tính chủ cá nhân
螢幕 Màn hình
電腦繪圖軟體 Autodesk
Keyshot 軟體 Phần mềm Keyshot
Camtasia 軟體 Phần mềm Camtasia
擴音機組 Bộ máy âm thanh
電動投影幕 Màn hình máy chiếu tự động
窗簾 Tấm màn
白板 Bảng trắng
電腦桌椅 Bàn ghế máy tính
顯示卡 Thẻ hiển thị
液晶顯示器 Màn hình LCD
無線麥克風主機 Máy chủ micro không dây
公文櫃 Tủ tài liệu 機櫃 Tủ máy

2. 文創產品設計工作室 Phòng thiết kế sản phẩm sáng tạo

設備 Thiết bị

電動銀幕 Màn hình tự động
單槍投影機 Máy chiếu đơn
E 化多功能講桌 Bục giảng đa năng tự động hóa
窗簾 Tấm màn
公文櫃 Tủ tài liệu
色票 Vé màu
磁性玻璃白板 Bảng trắng thủy tinh từ tính
鋁框白板 Bảng trắng khung nhôm
桌子 Bàn học
椅子 Ghế
攝影機 Máy ảnh
無線喊話器 Máy bộ đàm ko dây
節能風扇 Quạt máy tiết kiệm điện năng
筆記型電腦 Máy tính xách tay
無線擴音機 Máy âm thanh không dây

3. 科技產品設計工作室 Phòng thiết kế sản phẩm kỹ thuật

設備 Thiết bị

公文櫃 Tủ tài liệu
磁性玻璃白板 Bảng trắng thủy tinh từ tính
個人電腦 Máy tính cá nhân
掃描機 Máy scan
手寫螢幕 Màn hình viết tay
電腦顯示幕 Màn hình máy tính
觸控螢幕 Màn hình cảm ứng
無線擴音機 Máy âm thanh không dây
電動銀幕 Màn hình tự động
單槍投影機 Máy chiếu đơn
數位化講桌 Bục giảng kỹ thuật số
會議桌 Bàn hội nghị
工作桌 Bàn làm việc
節能風扇 Quạt máy tiết kiệm điện năng
會議椅 Ghế hội nghị

4. 模型製作教室 Phòng học chế tác mô hình

設備 Thiết bị

活動式集塵機 Máy hút bụi tự động
可程式訓練器訓練箱 Bộ đào tạo thiết bị lập trình
圓盤鋸機 Máy cưa tròn
桌上型小型帶鋸機 Máy cưa loại để bàn nhỏ
木工車床 Máy tiện gỗ
桌上型刨木機 Máy chế tác gỗ loại để bàn
立移感測器 Máy cảm biến dịch chuyển
集線器 Bộ chuyển mạch
工作桌 Bàn làm việc
切斷機 Máy cắt
帶鋸機 Máy cưa
帆布帶式砂光機 Máy mài nhám vải bố
砂布帶機 Máy mài nhám dây đai
集塵工作台 Bàn thu gom bụi
鑽床 Máy phay
圓鋸機 Máy cưa vòng
絲鋸機 Máy cưa dây
手提線鋸機 Máy cưa dây cầm tay
空壓機 Máy nén khí
切斷機 Máy cắt
研磨機 Máy nghiền
真空幫浦 Bơm chân không
乾濕吸塵機 Máy hút bụi khô ướt
桌上型精密車床 Máy CNC tinh vi dạng để bàn
小型立鑽床 Máy phay đứng loại nhỏ
鑽床 Máy phay
圓鋸機 Máy cưa vòng
木工角槽機 Máy gia công góc gỗ
電焊機 Máy hàn điện
焊切機 Máy hàn và cắt
桌上型刨木機 Máy bào gỗ để bàn

直立圓筒砂磨機 Máy nghiền búa đứng
手壓台 Máy nén tay
砂輪機 Máy mài
切斷機 Máy cắt
乾濕吸塵器 Máy hút bụi khô ướt
活動式集塵機 Máy hút bụi tự động
公文櫃 Tủ hồ sơ

5. 產品設計教室(一)(二) Phòng học thiết kế sản phẩm

設備 Thiết bị

單槍投影機 Máy chiếu đơn
窗簾 Tấm màn
白板 Bảng trắng
工作桌 Bàn làm việc
電腦主機 Máy tính chủ
無線擴音機 Máy âm thanh không dây
手寫螢幕 Màn hình viết tay
電動銀幕 Màn hình tự động
辦公桌 Bàn văn phòng
OA-120 平卓 Bàn kiểu OA-120
SRT 會議桌 Bàn hội nghị SRT
桌子 Bàn học
個人電腦 Máy tính cá nhân
擴大機 Máy loa
磁性白板 Bảng trắng từ tính
喊話器 Máy bộ đàm

6. 專題製作教室 Phòng học chế tác chuyên đề

設備 Thiết bị

個人電腦 Máy tính cá nhân
電動銀幕 Màn hình tự động
單槍投影機 Máy chiếu đơn
投影機 Máy chiếu
數位化講桌 Bục giảng kỹ thuật số
會議桌 Bàn hội nghị
會議椅 Ghế hội nghị
攝影棚組 Tổ chụp ảnh

7. 產品原型製作室 Phòng chế tác mô hình sản phẩm

設備 Thiết bị

溫/濕度監測記錄器 Máy theo dõi nhiệt độ / độ ẩm
指針式硬度計 Máy đo độ cứng
照度計 Máy đo độ sáng
噪音計 Máy đo độ ồn
物色分析儀 Máy phân tích sắc vật
噴墨印表機 Máy in phun
防潮箱 Hộp chống ẩm
快速成型機 Máy tạo hình cấp tốc
3D 雕刻機 Máy điêu khắc 3D
火焰拋光機 Máy lửa đánh bóng
穩壓機 Máy ổn áp
機器人教學擴充元件組 Tổ lắp đầy linh kiện dạy học Robot
個人電腦 Máy tính cá nhân

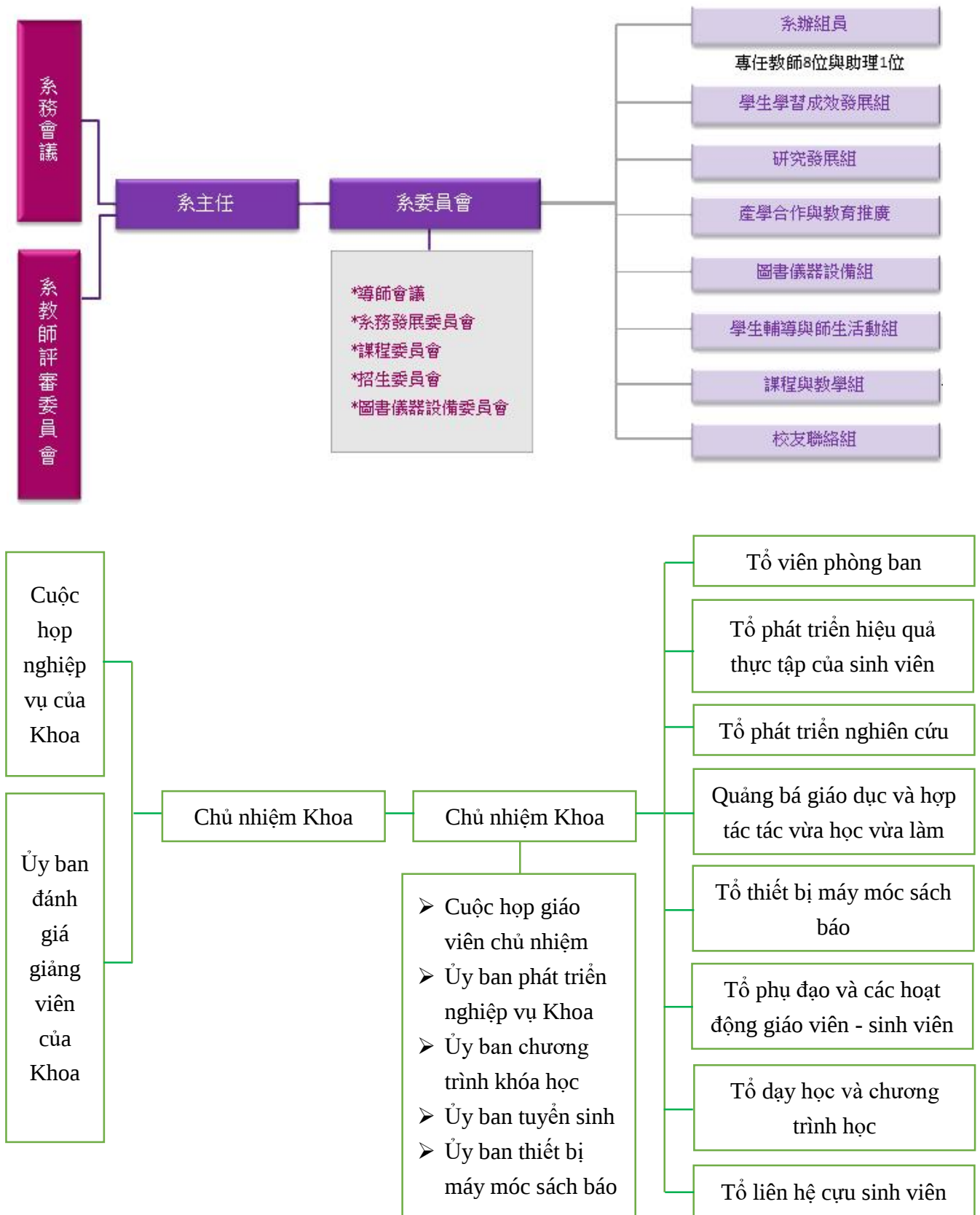
筆記型電腦 Máy tính xách tay
 機器人教學模組 Mô đun giảng dạy Robot
 機器人教學進階模組 Mô đun giảng dạy nâng cao Robot
 組雷射印表機 Máy in laser
 3D 印表機 Máy in 3D
 手寫繪圖螢幕 Màn hình đồ họa viết tay
 數位相機 Máy ảnh kỹ thuật số
 數位攝影機 Máy quay kỹ thuật số
 軟體珠光螢幕 Màn hình phẳng
 單槍投影機 Máy chiếu đơn
 水晶立體系招牌 Bảng hiệu hệ thống đứng
 磁性玻璃白板 Bảng trắng thủy tinh từ tính
 冷水機 Máy nước lạnh
 除濕機 Máy khử ẩm
 高鋼度抗撓實驗台 Máy thực nghiệm độ cứng cao
 指針式推拉力計 Máy đo lực kéo
 錄音筆 Bút ghi âm
 安全外罩雷射 Laser phòng hộ an toàn
 雕刻機 Máy điều khắc
 速度計 Máy đo tốc độ
 加速規組 Nhóm máy gia tốc
 高壓產生器 Máy phát điện cao thế
 電源供應器 Máy cấp phát điện
 出體資料擷取系統 Hệ thống thu thập dữ liệu ngoài
 阻抗計 Máy đo trở kháng
 高斯計 Máy đo Gauss
 磁路分析軟體電工儀表組 Máy thiết bị điện phân tích mạch từ
 軟體訊號分配放大器 Thiết bị khuếch đại phân phối tín hiệu
 簡報式數位攝影機 Máy ảnh kỹ thuật số dạng trình chiếu
 冷氣機 Máy lạnh
 荷重計 Đồng hồ đo
 扭力計及放大器 Bộ khuếch đại và Đồng hồ đo mô-men xoắn
 3D 掃描器 Máy quét 3D
 位移計 Đồng hồ đo dịch chuyển
 窗簾 Tấm màn
 電腦桌椅器 Bộ bàn ghế máy tính
 個人電腦主機 Máy tính chủ cá nhân
 公佈欄 Bảng tin tức
 電子秤 Cân điện tử
 外接式硬碟印表機 Máy in đĩa cứng kiểu kết nối ngoài
 彩印噴割印表機 Máy in phun màu
 電腦桌椅 Bàn ghế máy tính
 乾濕吸塵器 Bộ hút bụi khô ướt

8. 模型噴漆室 Phòng phun sơn mô hình

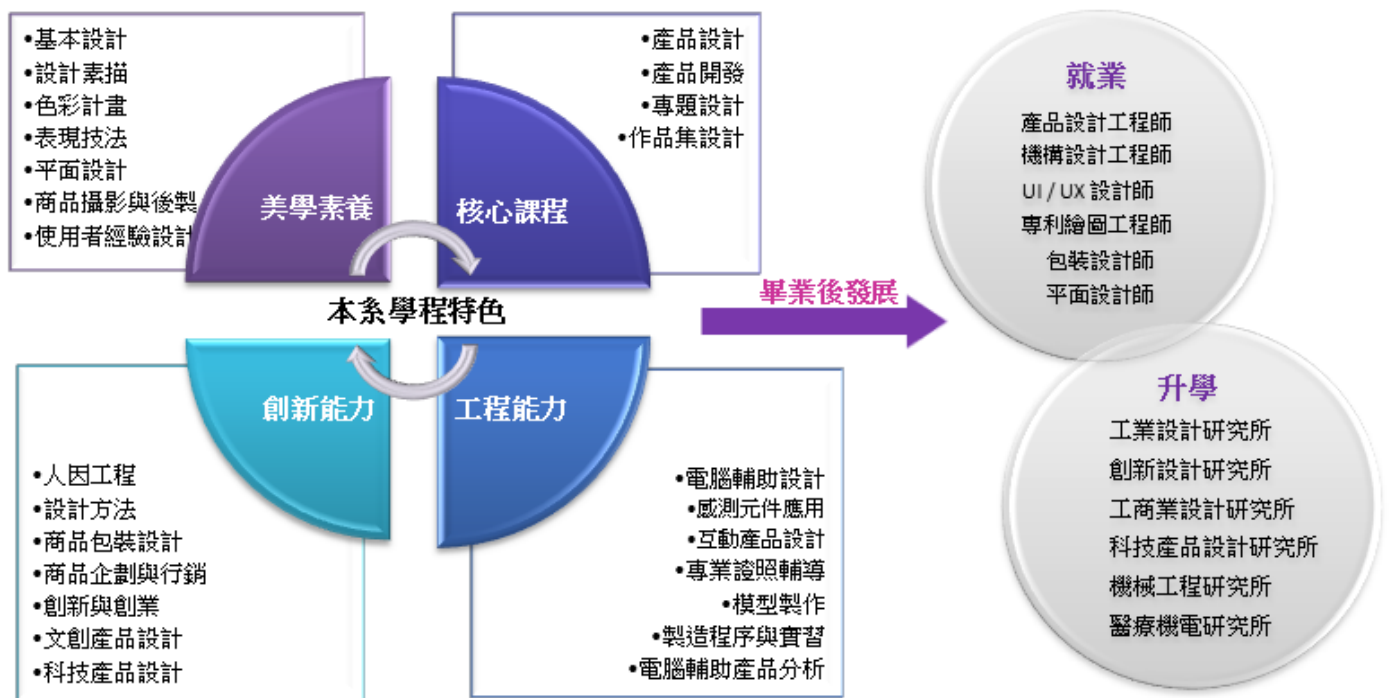
設備 Thiết bị

迷你車床 Máy CNC mini, 鑽銑機 Máy khoan và máy phay
 精密立鑽銑床 Máy khoan và máy phay chuẩn xác dạng đứng
 迷你立鑽銑機 Máy khoan và máy phay nhỏ dạng đứng
 靜音式空壓機 Máy nén khí tĩnh âm 噴砂機 Máy phun cát
 冷凍乾燥機 Máy sấy đông 複合式切斷機 Máy cắt dạng phức hợp

組織架構 – CƠ CẤU TỔ CHỨC



學生出路 – Tiền đồ sinh viên



本系學程特色 Đặc sắc khóa học của Khoa

1. 美學素養 Tổ chất thẩm mỹ

基本設計 Thiết kế cơ bản

設計素描 Phác thảo thiết kế

彩色計畫 Quy hoạch màu sắc

表現技法 Kỹ thuật biểu diễn

平面設計 Thiết kế đồ họa

商品攝影與複製 Sao chép và chụp ảnh hàng hóa

使用者經驗設計 Thiết kế kinh nghiệm người sử dụng

2. 核心課程 Chương trình học nòng cốt

產品設計 Thiết kế sản phẩm

產品開發 Phát triển sản phẩm

專題設計 Thiết kế chuyên đề

作品集設計 Thiết kế sưu tập tác phẩm

3. 創新能力 Năng lực sáng tạo

人因工程 Công trình có nhân tố con người

設計方法 Phương pháp thiết kế

商品包裝設計 Thiết kế đóng gói sản phẩm

商品企劃與行銷 Kế hoạch và tiếp thị sản phẩm

創新與創業 Sáng tạo và sáng nghiệp

文創產品設計 Thiết kế sản phẩm văn hóa sáng tạo

科技產品設計 Thiết kế sản phẩm kỹ thuật

4. 工程能力 Năng lực kỹ thuật

電腦輔助設計 Thiết kế hỗ trợ trên máy tính

感測元件設計 Thiết kế linh kiện cảm biến

動產品設計 Thiết kế sản phẩm di động

專業證照輔導 Phụ đạo chứng chỉ chuyên nghiệp

模型製作 Chế tác mô hình

製造程序與實習 Thực hành và quá trình chế tạo

電腦輔助產產品和分析 Phân tích và sản phẩm hỗ trợ trên máy tính

畢業後發展 Phát triển sau khi tốt nghiệp

1. 就業 Việc làm

產品設計工程師 Kỹ sư thiết kế sản phẩm

機構設計工程師 Kỹ sư thiết kế kết cấu

UI/UX 設計師 Kỹ sư thiết kế UI/UX

專利繪圖工程師 Kỹ sư đồ họa độc quyền

包裝設計師 Kỹ sư thiết kế đóng gói

平面設計師 Kỹ sư thiết kế đồ họa

2. 升學 Học nâng cao

工業設計研究所 Viện nghiên cứu thiết kế công nghiệp

創新設計研究所 Viện nghiên cứu thiết kế sáng tạo

工商業設計研究所 Viện nghiên cứu thiết kế công thương nghiệp

科技產品設計研究所 Viện nghiên cứu thiết kế sản phẩm kỹ thuật

機械工程研究所 Viện nghiên cứu công trình cơ khí

醫療機電研究所 Viện nghiên cứu điện cơ điều trị y tế

畢業後發展 Phát triển sau khi tốt nghiệp

分別兩類主類別 Phân biệt 2 ngành chủ chốt

1. 工業產品設計 Thiết kế sản phẩm công nghiệp

2. 文創商品設計(設計企劃師) Thiết kế sản phẩm sáng tạo (Lập kế hoạch thiết kế viên)

根據人力銀行資料統計，一般設計系畢業後基本起薪兩萬七千起

Căn cứ thống kê của nguồn nhân lực, Khoa thiết kế phổ thông thì sau khi tốt nghiệp có tiền lương cơ bản là 27.000 Đài tệ trở lên.

但本系歷年學長姐畢業後基本底薪最少則高達三萬二以上，兩年後更可達四至五萬元

Nhưng Khoa này qua nhiều năm các anh chị tốt nghiệp khóa trước đều có mức lương cơ bản ít nhất là 32.000 Đài tệ trở lên và có thể đạt đến 4-5 vạn.

競賽展演 – Biểu diễn thi đấu

設計無處不在。好的設計反映了人們的生活品質：設計可以是無拘無束的、充滿巧思且富有熱情的；它可以是幽默的、嚴肅的或是大膽的。自1953起，好的設計也可獲得獎項的認可 – 榮獲iF設計獎的表彰。

德國iF
產品設計獎



德國著名設計協會創立，至今已有超過50年的歷史，通過對產品設計及設計概念的競賽，每年吸引超過60個國家投稿參賽，得獎的作品可以獲得在德國Essen的紅點博物館展出作品以及參加頒獎典禮的機會。

德國
紅點設計大獎



日本產業設計振興會在1957年創立的獎項風格獨特的得獎標誌G-Mark，更是代表此獎項的重要象徵。超過百分之65的日本消費者經由它來提高品牌認同以及各種產品的價值。

日本 Good
Design Award



IDEA工業設計傑出大獎（美國） – International Design Excellence Awards的縮寫 由美國工業設計師協會IDSA和商業週刊合辦，每年在工業設計年會上頒發。該獎項以商業角度評審聞名。

美國 IDEA



「新一代設計展」是全世界以學生為主最大型之設計展覽，多年來已成為國內學生趨之若鶩的年度盛事，自1982年開辦，是設計新秀展現創意並協助企業及设计公司發掘優秀設計人才的專業平台。

新一代設計展
2019.05.03-06



激勵學生從事創意設計，為產業界發掘新一代優秀設計人才。

評選項目：

- 1.整合(Integration)
- 2.創新(Innovation)
- 3.功能(Function)
- 4.美感(Aesthetics)
- 5.傳達(Effectiveness)

2019臺灣
新一代設計獎



台灣最具權威及國際知名度的設計競賽，徵求對創意設計有熱忱、對改變社會有想法的設計菁英。

創意40% 美感20%
設計之完整性20%
模型及圖面表達10%
主題之切題性10%

台灣國際創意
設計大賽



「微設計」為設計界對「簡Simplicity」的進一步定義，強調設計師應發揮「極簡」之精神。

- A. 研究背景
- B. 設計表現
- C. 創意
- D. 技術可行性
- E. 簡報表現

光寶創新獎
微設計simplicity



1. 德國 IF 產品設計獎 Giải thưởng thiết kế sản phẩm IF của Đức

設計無處不在。好的設計反映了人們的生活品質：設計可以是無拘無束的，充滿巧思且富有熱情的；它可以是幽默的，嚴肅的或是大膽的。自 1953 起，好的設計也可獲得獎項的認可-榮獲 iF 設計獎的表彰。

Thiết kế có mặt khắp nơi, 1 thiết kế tốt phản ánh chất lượng sinh sống của mọi người. Thiết kế có thể không có gò bó gì, chứa đầy sự khéo léo cũng như đam mê, nó có thể là hài hước, nghiêm túc hoặc là táo bạo. Từ năm 1953 trở đi, những thiết kế tốt cũng có thể đạt được chứng nhận trong các hạng mục giải thưởng – Vinh dự khen ngợi các giải thưởng thiết kế IF

2. 德國紅點設計大獎 Giải thưởng thiết kế Red dot của Đức

德國著名設計協會創立，至今已有超過 50 年的歷史，通過對產品設計及設計概念的競賽，每年吸引超過 60 個國家投稿參賽、得獎的作品可以獲得在德國 Essen 的紅點博物館展出作品以及參加頒獎典禮的機會

Sáng lập Hiệp hội thiết kế nổi tiếng nước Đức, đến nay đã trải qua hơn 50 năm, thông qua thi đấu thiết kế sản phẩm và khái niệm về thiết kế, mỗi năm thu hút hơn 60 quốc gia tham gia thi đấu, những tác phẩm đạt giải có thể đạt được cơ hội tham gia lễ nhận giải thưởng cũng như tác phẩm sẽ được trưng bày triển lãm tại bảo tàng Red dot Essen của Đức.

3. 日本 Good Design Award Giải thưởng Good Design Nhật Bản

日本產業設計振興會在 1957 年創立的獎項風格獨特的得獎標誌 G-Mark，更是代表此獎項的重要象徵。超過百分之 65 的日本消費者經由它來提高品牌認同以及各種產品的價值。

Hiệp hội thiết kế công nghiệp Nhật Bản, năm 1957 thành lập tiêu chí G-Mark đạt giải các hạng mục phong cách đặc biệt, và là đại diện tượng trưng quan trọng của các hạng mục giải thưởng. Hơn 65% người tiêu dùng Nhật Bản sử dụng nó để nâng cao nhận diện thương hiệu và giá trị của các sản phẩm khác nhau

4. 美國 IDEA Giải thưởng IDEA của Mỹ

IDEA 工業設計傑出大獎（美國）- International Design Excellence Awards 的縮寫由美國工業設計師協會 IDSA 和商業週刊合辦，每年在工業設計年會上頒發。該獎項以商業角度評審聞名。

Giải thưởng kiệt xuất thiết kế công nghiệp IDEA (Mỹ) – là tên viết tắt của chữ International Design Excellence Awards được đồng tổ chức bởi Hiệp hội các nhà thiết kế công nghiệp Mỹ IDSA và tạp chí kinh doanh, và được trao hàng năm tại Hội nghị thường niên về thiết kế công nghiệp. Giải thưởng nổi tiếng vì được đánh giá từ góc độ kinh doanh

5. 新一代設計展 2019.05.03-06 Triển lãm thiết kế thế hệ mới 2019.05.03-06

「新一代設計展」是全世界以學生為主最大型之設計展覽，多年來已成為國內學生趨之若鶩的年度盛事，自 1982 年開辦，是設計新秀展現創意並協助企業及設計公司發掘優秀設計人才的專業平台。

Triển lãm thiết kế thế hệ mới là triển lãm thiết kế quy mô lớn nhất thế giới chủ yếu hướng đến sinh viên, nhiều năm nay nó đã trở thành một sự kiện thường niên mà sinh viên trong nước hướng đến. Được thành lập vào năm 1982, đây là một kênh chuyên nghiệp cho các tài năng thiết kế trẻ thể hiện sự sáng

tạo của họ, hỗ trợ các doanh nghiệp và công ty thiết kế khám phá những tài năng thiết kế xuất sắc

6. 2019 臺灣新一代設計獎 Giải thưởng thiết kế thời đại mới Đài Loan 2019

紅點設計大獎激勵學生從事創意設計，為產業界發掘新一代優秀設計人才。

Giải thưởng Thiết kế Red Dot khuyến khích sinh viên tham gia thiết kế sáng tạo nhằm để cung cấp một thể hệ tài năng thiết kế xuất sắc mới cho ngành công nghiệp

評選項目：Hạng mục lựa chọn

1. 整合 (Integration) Tích hợp
2. 創新 (Innovation) Cải tiến
- 3 功能 (Function) Công năng
- 4 美感 (Aesthetics) Thẩm mỹ
5. 傳達 (Effectiveness) Truyền đạt

7. 台灣國際創意設計大賽 Cuộc thi đấu thiết kế sáng tạo quốc tế Đài Loan.

Design Award 台灣最具權威及國際知名度的設計競賽徵求對創意設計有熱忱，對改變社會有想法的設計菁英

Giải thưởng thiết kế Đài Loan là cuộc thi thiết kế có uy quyền và nổi tiếng quốc tế thu hút niềm đam mê thiết kế sáng tạo, có ý tưởng thiết kế thay đổi xã hội.

- ✓ 創意 40% Sáng tạo 40%
- ✓ 美感 20% Thẩm mỹ 20%
- ✓ 設計之完整性 20% Tính hoàn thiện của thiết kế 20%
- ✓ 模型及圖面表達 10% Biểu đạt hình vẽ và mô hình
- ✓ 主題之切題性 10% Tính liên quan chủ đề

8. 光寶創新獎微設計 simplicity Giải thưởng sáng tạo Lite-On thiết kế vi mô

「微設計」為設計界對「簡 Simplicity」的進一步定義，強調設計師應發揮「極簡」之精神
"Thiết kế vi mô" là một định nghĩa sâu xa hơn về "Đơn giản" trong thế giới thiết kế, nhấn mạnh rằng các nhà thiết kế nên phát triển tinh thần của "chủ nghĩa tối giản"

- A 研究背景 Bối cảnh nghiên cứu
- B. 設計表現 Hiệu suất thiết kế
- C. 創意 Tính sáng tạo
- D. 技術可行性 Tính khả thi kỹ thuật
- E. 簡報表現 Hiệu suất trình bày